

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 92/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật thuế giá trị gia tăng;

Căn cứ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2014 quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh

1. Điều 3 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 3. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế

Việc kiểm tra thực tế hàng hóa, giám sát hải quan, quản lý thuế đối với việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 và Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 23/5/2015 và Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thực hiện.”

2. Bổ sung Điều 4a như sau:

“Điều 4a. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài và cách truy cập

1. Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Hệ thống) là hệ thống tích hợp, lưu trữ, trao đổi thông tin liên quan đến việc hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định tại Thông tư này do Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm xây dựng, quản lý và vận hành.

2. Các đối tượng được truy cập và trao đổi thông tin với Hệ thống:

- a) Cơ quan hải quan;
- b) Cơ quan thuế;
- c) Ngân hàng thương mại là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài;
- d) Doanh nghiệp được cơ quan thuế công nhận là doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài.

3. Truy cập, trao đổi thông tin qua Hệ thống:

a) Các đối tượng quy định tại điểm a, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này sử dụng tài khoản cơ quan hải quan cấp để truy cập Hệ thống.

b) Cơ quan thuế thực hiện cung cấp thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng cho Hệ thống theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

c) Ngay sau khi nhận được thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng do cơ quan thuế truyền đến Hệ thống, cơ quan hải quan (Tổng cục Hải quan) gửi tài khoản và mật khẩu truy cập Hệ thống cho doanh nghiệp qua địa chỉ thư điện tử đã được doanh nghiệp đăng ký.

d) Doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng truy cập Hệ thống và thay đổi mật khẩu truy cập Hệ thống.

đ) Việc truy cập, trao đổi thông tin giữa các đơn vị, tổ chức qua Hệ thống phải đảm bảo đúng thẩm quyền và phải ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”

3. Khoản 2, khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đăng ký việc bán hàng đúng địa chỉ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đăng ký bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng. Trường hợp điều chỉnh hoặc chấm dứt bán hàng hoàn thuế, phải thực hiện điều chỉnh hoặc chấm dứt theo quy định tại Điều 14 Thông tư này.

6. Căn cứ các thông tin trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh còn giá trị và hàng hóa được mua, doanh nghiệp bán hàng lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế cho hàng hóa quy định tại Điều 11 Thông tư này trên Hệ thống hoặc phần mềm của doanh nghiệp kết nối với Hệ thống, nhập đầy đủ thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này, ký số, truyền các thông tin về hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định tại mục II.1 Phụ lục 10 Thông tư này cho cơ quan hải quan, in hóa đơn và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra có giá trị như chứng từ điện tử.

Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, doanh nghiệp không truy cập được vào Hệ thống, doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này, ký, đóng dấu và giao cho người nước ngoài. Chứng từ in ra là cơ sở để cơ quan hải quan kiểm tra đối chiếu với hàng hóa của người nước ngoài.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, doanh nghiệp bán hàng cập nhật các thông tin đã lập tại hóa đơn giấy vào Hệ thống như trường hợp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống. Hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế được cập nhật trên Hệ thống phải đảm bảo trùng khớp về số, ký hiệu, nội dung thể hiện trên hóa đơn giấy.

7. In, phát hành, quản lý và sử dụng hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế điện tử theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư này.

8. Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

4. Khoản 9 Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“9. Được cấp tài khoản truy cập và tham gia vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

5. Sửa đổi khoản 4, khoản 5, khoản 7 và bổ sung khoản 7a Điều 8 như sau:

“4. Tổng cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị của ngân hàng thương mại, trình Bộ Tài chính lựa chọn Ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư này và tiếp nhận hồ sơ đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, trình Bộ Tài chính lựa chọn sân bay, cảng biển quốc tế áp dụng hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài đảm bảo hiệu quả kinh tế, đáp ứng yêu cầu quản lý.

5. Cập nhật thông tin theo các chỉ tiêu quy định tại mục II.2 Phụ lục 10 Thông tư này vào Hệ thống.

7. Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này. Trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan thông báo theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 11 Thông tư này trên Trang thông tin điện tử hải quan (www.customs.gov.vn) để các đơn vị có liên quan biết.

7a. Ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo, cơ quan hải quan thông báo bằng văn bản với Cục thuế quản lý doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Thông tư này;

b) Doanh nghiệp lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế với các thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này hoặc không đầy đủ, chính xác, khớp đúng với hàng hóa thực tế;

c) Doanh nghiệp vi phạm các quy định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng tại Thông tư này.”

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 8 và bổ sung khoản 2a Điều 9 như sau:

“2. Tiếp nhận hồ sơ, lựa chọn doanh nghiệp bán hàng theo đúng quy định tại Điều 13 Thông tư này. Thực hiện công khai Danh sách doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và Cục thuế nơi công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất là đầu giờ ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày ban hành văn bản công nhận doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này; đồng thời ký số và truyền thông tin về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại mục II.4 Phụ lục 10 Thông tư này đến Hệ thống theo phương thức điện tử.

2a. Ngay sau khi nhận được thông tin của cơ quan hải quan về doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 7 Điều 8 Thông tư này, cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu thông tin và xử lý theo quy định.

Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế theo mẫu ban hành kèm theo Phụ lục 3 Thông tư này trên Hệ thống hoặc lập hóa đơn kiêm tờ khai hoàn thuế nhưng không truyền đến Hệ thống thì trên cơ sở thông tin của cơ quan hải quan cung cấp, cơ quan thuế lập biên bản vi phạm. Trường hợp doanh nghiệp bán hàng không lập hóa đơn theo Phụ lục 3 hoặc lập nhưng không truyền đến Hệ thống lần thứ hai thì cơ quan thuế thực hiện xử phạt hành chính về thuế, hóa đơn (nếu có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn), đồng thời xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư này.

8. Tham gia, kết nối vào Hệ thống theo quy định tại Điều 4a Thông tư này.”

7. Khoản 2 Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Định kỳ tháng, năm, Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh đối chiếu, xác nhận báo cáo kế toán hoàn thuế giá trị gia tăng với cơ quan thuế đồng cấp theo quy định.”